

# ĐỌC LẠI BÀI MINH MANG NIÊN ĐẠI CÀN THỐNG 19 (1611) HIỆN CÒN TRÊN CHUÔNG LỚN CHÙA VIÊN MINH Ở CAO BẰNG (Tiếp theo)

Chu Xuân Giao\*

**Lời tòa soạn:** Bài minh khắc trên quả chuông lớn hiện còn tại chùa Viên Minh (tỉnh Cao Bằng) là một tư liệu quý để tìm hiểu về thời kỳ nhà Mạc tại Cao Bằng (1592-1677). Đáng tiếc là bài minh ấy đã bị mờ mòn, mất nhiều chữ nên không thể đọc được đầy đủ, dẫn đến tình trạng sao chép, diễn dịch khác nhau giữa các nhà nghiên cứu từ xưa đến nay.

Dựa vào kết quả khảo chứng văn bản học, đối chiếu với các tài liệu liên quan, bài viết này cung cấp một cách hiểu mới về nội dung bài minh khắc trên chuông chùa Viên Minh. Trong phần trước của bài viết (*NC&PT* số 2 (128) . 2016), tác giả đã trình bày các nội dung chính: 1. Hình thức và nguyên trạng của bài minh qua đối chiếu tư liệu; 2. Nội dung của bài minh qua tổng hợp tư liệu; 3. Ngôi cổ tự Viên Minh.

## 4. Vương quốc Nam Việt trong ý chí, vương quốc Cao Bằng trong hiện thực

Bài minh được bắt đầu với câu mở ấn tượng: “Thiên khai Nam Việt, địa tịch Cao Bình (Cao Bằng)”. Kết cấu của câu là theo dạng “thiên khai...địa tịch” (trời mở, đất lập). Ở đây, Nam Việt có thể hiểu như là tên của nước, còn Cao Bình (Cao Bằng) thì là tên kinh đô. Đó là một mừng tượng tổng quát về vương quốc của vua Mạc tại Cao Bằng ở đầu và giữa thế kỷ XVII. Trong tư liệu của các giáo sĩ phương Tây đã từng sống ở Đàng Ngoài và Đàng Trong hồi đầu và giữa thế kỷ XVII, có khi vương quốc của nhà Mạc ở Cao Bằng lúc đó được gọi luôn là “vương quốc Cao Bằng” hay “Cao Bằng” (Royaume de Camban; Cao Bằng/Cau Bằng).

### 4.1. Quốc hiệu Nam Việt

Về tên nước (quốc hiệu) thời nhà Mạc, trước đây Nguyễn Phúc Giác Hải từng có ý kiến rằng, qua tư liệu đương thời, đặc biệt là văn bia hiện còn nguyên vật hay thác bản của triều Mạc thời kỳ Thăng Long - Dương Kinh (các bia mang niên đại 1558, 1590,...) và văn bản chép tác phẩm của Nguyễn Bình Khiêm, có thể đặt giả thiết về tên “Việt Nam” với tư cách quốc hiệu đã xuất hiện từ thời Mạc, mà không cần phải chờ đến triều Nguyễn. Quốc hiệu ấy tựa như là do Nguyễn Bình Khiêm đề xuất [Nguyễn Phúc Giác Hải 1996]. Sau này, Đinh Khắc Thuân kế thừa quan

\* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.



Ảnh 4: Mở đầu bài minh trên bia Vĩnh Khánh tự bi dựng năm 1583<sup>(14)</sup>.

điểm này, nhưng ông xem “Việt Nam” như là tên nước được gọi trong dân gian (tầng lớp trí thức, quan chức, dân quê). Ông viết: “Có lẽ đây là cách gọi dân gian thuần túy biểu trưng ý nghĩa địa dư hơn là chính trị. Đó là một thực tế hiển nhiên ở thời Mạc, có thể họ đã tránh dùng danh xưng Đại Việt như các triều Lý, Trần, Lê, bởi họ không thể có uy quyền như các triều đại này trong quan hệ bang giao với phương Bắc và uy danh với phương Nam, trái lại cũng không muốn sử dụng [cái tên] An Nam mà phương Bắc đặt định để chỉ một vùng đất phụ thuộc. Chính danh xưng Việt Nam này được duy trì trong dân gian suốt mấy thế kỷ sau đó” [Đình Khắc Thuân 2001: 178-179].

Ở đây, trên chuông chùa Viên Minh mang niên đại 1611, tức đầu vương triều Mạc thời kỳ Cao Bằng, chúng ta thấy xuất hiện tên gọi “Nam Việt”. Theo khảo sát của chúng tôi, tên gọi “Nam Việt” cũng đã xuất hiện ở mảng tư liệu văn bia của vương triều Mạc thời kỳ Thăng Long - Dương Kinh. Thậm chí có thể tìm thấy tên “Nam Việt” gắn với kết cấu “thiên khai Nam Việt, địa tịch...” (trời mở, đất lập). Chẳng hạn, bia chùa Vĩnh Khánh mang tựa đề *Vĩnh Khánh tự bi* ở xã Bàn Động huyện Kiến Thụy tỉnh Kiến An (ký hiệu thác bản N° 10.464 tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm). Đây là tấm bia kỷ niệm đợt trùng tu chùa Vĩnh Khánh từ năm Tân Tỵ (1581) đến năm Quý Mùi (1583) niên hiệu Diên Thành. Bia mang niên đại “Diên Thành lục niên thập nguyệt sơ nhất nhật” (ngày 1 tháng 10 năm Diên Thành 6), tức năm 1583. Trong lòng bia, có một bài minh gieo vần **ương/ang**, mà mở đầu là (xem dòng đầu tiên trong Ảnh 4): “Thiên khai Nam Việt, địa tịch đông cương.//Duy tư đế ập, hảo thử Nghi Dương” (Tạm dịch: Trời mở ra Nam Việt, đất dựng lên cương thổ ở phía đông.// Ngẫm về làng quê của hoàng đế, huyện Nghi Dương này quả là nơi đẹp đẽ<sup>(13)</sup>).

Theo nội dung trên bia thì, xã Bàn Động lúc đó là thuộc vào “huyện Nghi Dương phủ Kinh Môn”, mà huyện Nghi Dương thì được xem là quê hương của các vua nhà Mạc (nay là huyện Kiến Thụy thành phố Hải Phòng). “Đế ập” trực tiếp của các vua nhà Mạc là làng/hương Cổ Trai nằm trong huyện Nghi Dương phủ Kinh Môn thời Mạc. Dương Kinh được xây dựng như một hậu cứ vững mạnh, đồng thời là trung tâm kinh tế, văn hóa lúc đương thời [Đình Khắc Thuân 2001: 170-175, 350-351].

Nếu như ở thời điểm năm 1583, người sinh sống trên mảnh đất quê hương của các hoàng đế nhà Mạc với lòng tràn đầy tự hào mà viết câu “Thiên khai Nam Việt, địa tịch đông cương”, thì đến năm 1611, trên chuông chùa Viên Minh ở Cao Bằng, lại thấy được tâm trạng tương tự như vậy trong câu mở đầu: “Thiên khai Nam Việt, địa tịch Cao Bình (Cao Bằng)”. Hai thời điểm viết cách nhau gần 30 năm (1583 đến 1611), bao nhiêu biến động đã qua, vương triều đã phải thực hiện một cuộc thiên di lớn từ Thăng Long - Dương Kinh lên Cao Bằng. Phải chăng là với vương triều Mạc, ở cả thời kỳ Thăng Long - Dương Kinh và thời kỳ Cao Bằng, “Nam Việt” được sử dụng như là tên nước mang tính dân gian. Sau này, chính nhà Nguyễn lúc đầu đã chọn “Nam Việt” làm tên nước, nhưng phía nhà Thanh đã yêu cầu đổi lại thành “Việt Nam” (được xem là để tránh trùng với tên nước do Triệu Đà đã lập ra). Tựu trung lại, “Nam Việt” và “Việt Nam” đều đã thấy xuất hiện ở thời Mạc, trong khoảng từ năm 1527 đến năm 1611. Có thể tạm xem đó như là những quốc hiệu.

Sở dĩ nói “Nam Việt” và “Việt Nam” đã xuất hiện ở thời Mạc như là quốc hiệu, bởi nếu vẫn sử dụng kết cấu “Thiên khai... địa tịch” để tìm ngược lên nữa theo dòng lịch sử, chẳng hạn thời Lê, thì thấy câu “Thiên khai Đại Việt” (Trời mở Đại Việt) trên một tấm bia nổi tiếng là *Đại Việt Lam Sơn Chiêu lăng bi* (Bia Chiêu lăng ở Lam Sơn nước Đại Việt) mang niên đại Cảnh Thống 1 (1498). Bài văn bia này do nhóm Thân Nhân Trung soạn cho Chiêu lăng của vua Lê Thánh Tông trong khu Lam Kinh. Trong văn bia đó, có một bài minh dài gieo nhiều vần khác nhau (ang/ương, iên/yên, inh,...), mà mở đầu là: “Thiên khai Đại Việt, thánh tổ triệu bang.// Thái Tông khải cầu, Nhân Tông khải đường” (Trời mở Đại Việt, thánh tổ mở nền.// Thái Tông dựng móng, Nhân Tông xây nền) [Viện Nghiên cứu Hán Nôm 2010: 308, 317]. Cần có thêm nhiều tư liệu và luận giải nữa, nhưng chúng tôi tạm thời suy nghĩ rằng, ở thời Lê thì là “trời mở Đại Việt” gắn với tên nước “Đại Việt”, còn sang thời Mạc thì là “trời mở Nam Việt” cũng rất có thể gắn với tên nước là “Nam Việt”. “Nam Việt” có thể là đảo ngược của “Việt Nam” bởi yêu cầu nội tại về âm luật trong câu: nếu là “Thiên khai Việt Nam” thì có vẻ không xuôi tai bằng “Thiên khai Nam Việt”. Từ sau năm 1592, các vua nhà Mạc cai quản vùng Cao Bằng trong khoảng hơn 80 năm, đã nhiều lần đưa quân nam tiến để tấn công Lê-Trịnh, từng có lần chiếm giữ được Thăng Long trong một thời gian. Bởi vậy, qua tư liệu xác thực lần này, có thể thấy ý chí của các vua Mạc và thần dân theo ông tự về Cao Bằng không phải chỉ ở việc cai quản Cao Bằng, mà vẫn tiếp nối nhau nuôi quyết tâm từ Cao Bằng mà khôi phục toàn cõi “Nam Việt”. “Nam Việt” là vương quốc trong ý chí, hay vương quốc lý tưởng.<sup>(15)</sup>

#### 4.2. Cao Bình và Cao Bằng

Về kinh đô mà nhà Mạc đã mở ra trên vùng cao, với mặt chữ là 高平 như thấy trong nguyên bản bài minh, thì vốn được đọc là Cao Bình, nhưng lâu nay lại quen đọc là Cao Bằng. Có nghĩa là, chữ 平 vốn được đọc là **Bình**, nhưng lâu nay, vẫn được đọc là **Bằng** khi đi ghép thành Cao Bằng, như là một thói quen chưa rõ nguyên cớ.



Ảnh 5: Chợ Cao Bình trong phố Cao Bình hiện nay (2014).

Trên thực tế, ngày nay, tại tỉnh Cao Bằng, ở trong khu vực nhà Mạc đã đóng đô trước đây vẫn còn thấy nhiều địa danh mang tên Cao Bình, ví dụ như “chợ Cao Bình” (được xây gạch từ năm 1996, xem Ảnh 5), “phố Cao Bình”, “ngã ba Cao Bình”, “Trường Trung học cơ sở Cao Bình”, “cánh đồng Cao Bình”,... Các địa danh gắn với Cao Bình nêu trên, cùng với hai ngôi chùa Viên Minh và Đống Lân

đều thuộc địa phận xã Hưng Đạo thành phố Cao Bằng (trước tháng 9 năm 2012 là xã Hưng Đạo, thị xã Cao Bằng, trước nữa thì là xã Hưng Đạo, huyện Hòa An). Xã Hưng Đạo cũng nằm sát với xã Hoàng Tung – nơi có thành Na Lữ và rất nhiều dấu tích của nhà Mạc. Có nghĩa là, về đại thể, thì khu vực xã Hưng Đạo và xã Hoàng Tung ngày nay chính là trung tâm của kinh đô nhà Mạc thuở xưa. Vậy thì, 高平 vốn được đọc là “Cao Bình” hay “Cao Bằng”, hoặc đã có sự chuyển dịch âm đọc trong lịch sử như thế nào?

Về chuyển dịch âm đọc từ “Cao Bình” sang “Cao Bằng”, nhóm tác giả Ngô Đức Thọ khi biên soạn bộ sách *Đồng Khánh địa dư chí* đã chú giải như sau: “Tỉnh Cao Bằng: Thời Lý Trần là đất châu Thái Nguyên... Đến đời Lê Thái Tổ đổi làm phủ Bắc Bình 北平府, sau đổi là **phủ Cao Bình** 高平府... Đời Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận 10 (1469) vẫn gọi là phủ Cao Bình... Từ năm Cảnh Thống 2 (1499) đặt làm trấn Cao Bình, nhưng phải đến khi thắng nhà Mạc (1676) thì trấn Cao Bình mới tách hẳn với trấn Thái Nguyên. Đời Tây Sơn kiêng chữ Bình 平 (tên húy vua Quang Trung) đổi là **trấn Cao Bằng** 高憑鎮. Đầu Nguyễn lấy lại tên cũ là trấn Cao Bình 高平鎮 (vẫn chỉ gồm 1 phủ là phủ Cao Bình), **nhưng theo thói quen vẫn đọc âm là Cao Bằng**” [Ngô Đức Thọ - Nguyễn Văn Nguyên - Philippe Papin 2003a: 651]. Quả thực, trong *Đồng Khánh địa dư chí*, có hiện tượng chữ Bình 平 trong địa danh được đổi thành Bằng 憑 vào thời Tây Sơn. Chẳng hạn, xã Bình Đê 平堤 huyện Đường An (tỉnh Hải Dương) đổi thành Bằng Đê 憑堤, xã Bình Cách

平格 huyện Đường An đổi thành Bằng Cách 憑格 [Sđd: XXXV]. Nhưng chưa rõ là, sau thời Tây Sơn, hai xã này có được viết lại với mã chữ cũ thành Bình Đê 平堤 và Bình Cách 平格 nhưng “theo thói quen vẫn đọc âm là” Bằng Đê và Bằng Cách hay không? Các soạn giả không nói rõ chi tiết này. Còn riêng Cao Bằng 高平, thì như thấy trong trích dẫn, được nhóm Ngô Đức Thọ giải thích rằng: vốn được đọc đúng âm là **Cao Bình**, chỉ tới thời Tây Sơn mới do kiêng húy để tránh chữ Bình là tên của vua Quang Trung, mà được đổi mã chữ sang **Cao Bằng** 高憑 (chữ Bằng ở mã chữ này là đọc đúng âm), rồi sau đó, sang thời Nguyễn lại đổi về mã chữ cũ là 高平 nhưng quen đọc như thời Tây Sơn là **Cao Bằng**. Nếu theo giải thích này, thì hai chữ 高平 thấy trên chuông chùa Viên Minh mang niên đại 1611 chắc sẽ cần đọc đúng là Cao Bình. Thêm nữa, kinh đô của vua Mạc lúc đó chắc là Cao Bình, mà chưa phải Cao Bằng. Sự thực thì có phải như vậy không?

Nếu nhìn từ quy tắc gieo vần của bài minh trên chuông chùa Viên Minh, lấy âm “inh” là vần chính, thì chữ 高平 trong câu mở đầu được đọc là “Cao Bình” thì thích hợp hơn với “Cao Bằng”. Tuy nhiên, nếu thay “Cao Bằng” vào đó thì vẫn có thể tạm chấp nhận, không đến mức quá khiên cưỡng, bởi vần “inh” trong bài đã được mở rộng ra các âm gần giống, như “anh” hay “ang”.

Tuy nhiên, nếu tham chiếu với các nguồn tư liệu khác, thì chúng tôi thấy, ở khoảng đầu và giữa thế kỷ XVII, khoảng từ thập niên 1620 đến thập niên 1650, tên gọi **Cao Bằng** đã được dùng rộng rãi, chứ không cần đợi đến thời Tây Sơn như trong lý giải của nhóm Ngô Đức Thọ. Tiêu biểu nhất, chúng tôi chọn tác phẩm đã xuất bản trong đầu thập niên 1650 ở nước ngoài của giáo sĩ Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes, 1591-1660) làm đại biểu cho ghi chép của người phương Tây, và văn bản chép tay mang niên đại 1659 của thầy giảng Bento Thiện làm đại biểu cho ghi chép bằng Quốc ngữ ở thời kỳ sớm của người Việt Nam.

Giáo sĩ Đắc Lộ đã từng ở Đàng Trong liền từ năm 1624 đến năm 1626, sau đó ở Đàng Ngoài liền từ năm 1627 đến năm 1630, rồi lại đi về giữa Đàng Trong và Macao từ năm 1640 đến năm 1645, là tác giả của các ấn phẩm quan trọng hàng đầu về Việt Nam [Alexandre de Rhodes 1651a, 1651b, 1653; Peter C. Phan 1998: xx - xxiii, 38 - 68; Chu Xuân Giao 2010a: 11-16]. Những tác phẩm này được in ấn ở đầu thập niên 1650, nhưng bản thảo thì đã chuẩn bị từ lâu trước đó. Qua nghiên cứu những ghi chép của Đắc Lộ về Nữ thần Cửa Chúa [Chu Xuân Giao 2010b], chúng tôi đã nhận ra rằng, một Đắc Lộ thông thạo tiếng Việt với các phương ngữ, tựa như có thói quen ghi chép hàng ngày về những nơi đã đến, những việc đã thấy và đã nghe, cần mẫn và tinh tường chẳng khác gì một nhà dân tộc học đang điều tra điền dã. Đắc Lộ chưa từng lên Cao Bằng của các vua Mạc, nhưng ông đã để ý và ghi chép những câu chuyện liên quan đến Cao Bằng. Về nước An Nam lúc

đó, trong *Hành trình và truyền giáo*, ông đưa ra một mô tả tổng quan về một đất nước với nhiều ông vua hay chúa cai quản phần lãnh thổ của riêng mình, nhưng cùng nói chung một ngôn ngữ, đó là: “một thứ tiếng khác hẳn tiếng Trung Quốc. Tiếng mới này còn thông dụng ở các vương quốc sau: Đông Kinh [Đàng Ngoài, Lê-Trịnh], Cao Bằng [Mạc], Cochinchine [Đàng Trong, Nguyễn], và người ta còn nghe và hiểu ở ba xứ lân bang khác”<sup>(16)</sup> (Nguyên văn: la langue du país entièrement differente de la Chinoife, elle fert aux Royaumes de Tunquin, de Camban, de la Cochinchine, & on l’entend en trois autres terres voisines) [Alexandre de Rhodes 1653: 72; 1994b: 55]. Cao Bằng được xem như là một trong ba vương quốc cùng tồn tại ở An Nam lúc đó, và của một giống người cùng nói chung ngôn ngữ, mà ngôn ngữ ấy khác hẳn với tiếng Trung Quốc.

Ở *Hành trình và truyền giáo*, Cao Bằng được ký âm là “Camban”, có lẽ là nhầm lẫn ở chữ “m” với chữ “o”, nhưng rõ ràng âm “bằng” có thể thấy qua cách ghi “ban” (mà không phải “bin”). Đặc biệt, trong *Từ điển Việt - Bồ - La*, thì Cao Bằng được Đắc Lộ ký âm là “Cao bàng” [Alexandre de Rhodes 1651a: 362]. Thêm nữa, trong các bản đồ An Nam đính kèm các tác phẩm trên của Đắc Lộ, Cao Bằng được vẽ như riêng ra một khoảnh, với ký âm là “CAV BANG”, tức là “CAU BANG” [Alexandre de Rhodes 1653: 60b; Alexandre de Rhodes 1651b - sau mục lục]. Có nghĩa là, cách ký âm của Đắc Lộ đối với Cao Bằng gần giống với chúng ta ngày nay. Rõ ràng, khi lưu trú ở Việt Nam trong khoảng các thập niên 1620 - 1640, Đắc Lộ đã nghe thấy tên gọi “Cao Bằng” từ dân chúng và giáo dân mà ông tiếp xúc.

Muộn hơn các xuất bản của Đắc Lộ một chút, thì có một văn bản viết bằng Quốc ngữ của thầy giảng người An Nam là Bento Thiện. Văn bản được xem là viết năm 1659 tại Thăng Long, hiện lưu giữ ở Văn khố Dòng Tên tại La Mã. Trong nguyên bản do Đỗ Quang Chính công bố, chúng ta thấy rất rõ Bento Thiện ghi chữ “Cao bàng” trong câu “họ nhà Mạc đã trốn lên Cao bàng hết” [Đỗ Quang Chính 2008: 192]. Có nghĩa là, cùng ở thời điểm thập niên 1650, ký âm của Đắc Lộ và Bento Thiện đều giống nhau. Qua đó, chúng ta biết chắc chắn rằng, khi đó, cách gọi “Cao Bằng” đã rất phổ biến.

Đến đây, cần thiết phải ghi một truyền ngôn của người dân hiện sinh sống ở các xã Hưng Đạo và Hoàng Tung, tức vùng kinh đô của nhà Mạc trước đây, về cách gọi “Cao Bằng” và “Cao Bình”. Chúng tôi chưa có điều kiện tìm hiểu kỹ hơn, nhưng nhiều người dân ở vùng này cho rằng, “Cao Bằng” là chỉ vùng đất rộng lớn của vua Mạc (trong đó có tỉnh Cao Bằng ngày nay), còn “Cao Bình” thì là chỉ riêng vùng kinh đô mà đến ngày nay vẫn còn thấy các địa danh gắn với “Cao Bình” như đã nhắc ở trên. Địa danh “phố Cao Bình” (*Cao Bình phố*) nằm ở “khu cư trú cũ

của ngự Mạc” (*ngự Mạc cựu cư*) có thấy trong bản đồ cũ của thời Lê trung hưng (chúng tôi sẽ khảo cứu những bản đồ này ở một dịp khác). Có thể tạm hiểu như có kinh đô Cao Bình với “phố Cao Bình” nằm trong vương quốc Cao Bằng. Hay nói cách khác, có vương quốc Cao Bằng hay “nước non Cao Bằng” (trong “đề anh đi trải nước non Cao Bằng”), và trung tâm của vương quốc ấy là kinh đô Cao Bình. “Cao Bằng” ở đây không phải chỉ là phủ Cao Bằng (gồm 4 châu như sau này), mà lúc đầu còn bao gồm cả một số châu huyện vùng Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn..., tức một vùng rộng rãi, có thể trở thành vương quốc. Phải chăng là ở xung quanh thời điểm chùa Viên Minh được trùng tu năm 1611, đã có sự phân biệt sử dụng “Cao Bằng” với “Cao Bình” như vậy? Điều này, hiện chưa trả lời rõ ràng được, nên chỉ ghi lại để tiếp tục khảo cứu sau.<sup>(17)</sup>

Đọc tư liệu của phía Lê-Trịnh, thì thấy, cho đến khoảng năm 1611, tức năm chuông chùa Viên Minh được đúc thành công, phía Lê-Trịnh chưa rõ lắm về tình hình của vua Mạc Kính Cung, chỉ tạm biết ông ở đâu đó tại vùng Thái Nguyên - Lạng Sơn mà thôi. Bởi vậy, năm 1609 khi mang đại quân tấn công nhà Mạc, phía Lê-Trịnh chỉ ghi được rằng “đi đánh Mạc Kính Cung ở **Tây Nông thuộc Thái Nguyên**. Không gặp địch, trở về”<sup>(18)</sup> [Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2009c: 378]. Địa danh “Tây Nông” trong ghi chép này có thể là huyện Tư Nông thuộc phủ Phú Bình, đạo Ninh Sóc (Thái Nguyên) trước đây, nay là huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Cuộc tiến công của Lê-Trịnh lên đó có vẻ như khá phiêu lưu, không rõ mục tiêu, nên kết quả là “không gặp địch, trở về”. Tiếp đó, trong một văn bản của năm 1610 bàn về việc “xử trí bọn phiên trấn để thống nhất chế độ”, phía Lê-Trịnh khái quát rằng: “nay các xứ **Thái Nguyên, Lạng Sơn**, Quảng Nam, Thuận Hóa vốn là bờ cõi của tiên vương, thế mà lâu năm chứa tộ, để mặc cho họ ngoa ngạnh. Nếu không xử trí, sợ thành mối lo sau này”<sup>(19)</sup> [Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2009c: 262]. “Thái Nguyên, Lạng Sơn” ở đây là chỉ nhà Mạc, còn “Quảng Nam, Thuận Hóa” là chỉ chúa Nguyễn ở Đàng Trong, đó là hai thế lực đang làm Lê-Trịnh mất ăn mất ngủ lúc đương thời. Mãi sau này, đến năm 1621 khi mà Trịnh Tráng tiến đánh Cao Bằng, thì phía Lê-Trịnh mới biết đến sào huyệt của Mạc Càn Thống là ở **Vu Tuyền**. Nguyên văn là “Tân Dậu, Vĩnh Tộ năm thứ ba,... Tháng 11, tiến đánh Cao Bằng (...), bèn kéo vào sào huyệt giặc ở **Vu Tuyền**” [Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2009c: 393]. “**Vu Tuyền**” ở đây chính là “**Mãnh Tuyền**” trong ghi chép của Nguyễn Hựu Cung, và cũng chính là “**Vu Thủy**” có chùa Đồng Lân trong *Đại Nam nhất thống chí* (xem các trích dẫn ở bên trên).

Đó là chỉ khu vực có nhiều địa danh gắn với “Cao Bình” còn lại đến ngày nay, mà tiêu biểu là “phố Cao Bình”, “chợ Cao Bình”. Đó là “sào huyệt”, tức kinh đô của vua Mạc lúc đương thời.

Cuối cùng, trở lại với nguyên bản câu mở đầu của bài minh, với những lý do trên, chúng tôi tạm lấy âm “Cao Bình” là chính, và mở ngoặc “Cao Bằng”. Đọc lại toàn bài minh, với giả thiết về “Cao Bình” và “Cao Bằng” như đã trình bày, cũng như tham chiếu tư liệu của người phương Tây lúc đương thời và các bản chép *Đại Việt sử ký toàn thư*, chúng tôi tựa như thấy gương tượng của tác giả bài minh về vương quốc của mình như sau. Đó là, có một vương quốc rộng rãi và thừa hưởng từ xưa là “Nam Việt”, rồi có một vương quốc nhỏ có Mạc Cảnh Thống làm hoàng đế có thể tạm gọi là “vương quốc Cao Bằng”, kinh đô của vương quốc nhỏ ấy đóng ở châu Thạch Lâm (“Thạch châu thế tráng”) có thể tạm gọi là “kinh đô Cao Bình”. Kinh đô ấy gắn với địa danh Vu Tuyên (Mãnh Tuyên, Vu Thủy), phố Cao Bình, chùa Đồng Lâm, chùa Viên Minh, Đà Quận. Chúng ta có thể thấy được niềm tự hào của người soạn bài minh đang được sống những ngày thanh nhàn ở kinh đô Cao Bình. Hơn thế, còn như cảm thấy ước vọng của người đó về việc một ngày không xa thánh chúa Mạc sẽ từ kinh đô Cao Bình khôi phục lại được toàn bộ vương quốc Nam Việt. Ước vọng này rõ ràng khác với ước vọng của quần thần phía Lê-Trịnh như đã thấy trong các trích dẫn ở trên.

### 5. Thánh chúa Mạc và hiền khanh họ Lê

Bài minh có một câu quan trọng liên quan đến gương tượng về vương quốc Cao Bằng của vua Mạc: “Tá Mạc thánh chúa, hữu Lê hiền khanh 佐莫聖主、有黎賢卿” (Giúp thánh chúa Mạc, có hiền khanh họ Lê). “Thánh chúa”, hay “chân chúa 真主”, là những từ tôn xưng của bề tôi dành cho đấng quân vương thánh minh. Ở đây là vua Mạc, tức Mạc Kính Cung với niên hiệu Cảnh Thống, và ở thời điểm bài minh được khắc lên chuông là năm thứ 19.

Trong bài minh, cùng âm hưởng ngợi ca vua Mạc, còn thấy các nhân ngữ như “minh lương 明良” (vua sáng tôi hiền) hay “hỉ khởi ca khang 喜起歌贍” (vua và các bề tôi một lòng hòa mục cùng nhau ca hát xướng họa). Ở dòng niên đại, các chữ “Cảnh Thống vạn vạn niên 乾統萬萬年” có ý nghĩa cầu mong cho đức vua trường thọ, niên hiệu nối dài. Rõ ràng bài minh sử dụng những cách nói điển nhã mang tính công thức như thường thấy trong Hán văn, nhưng đó cũng chính là cách bày tỏ lòng sùng kính đối với thánh chúa Mạc của bề tôi sinh sống trong vương quốc của ông.

Ở trên là văn viết dùng cho văn bản trên chuông, còn trong văn nói, thì ngay cả trong ghi chép của phía Lê-Trịnh, cũng thấy danh xưng “chúa thượng 主上” mà các bộ tướng tôn kính dành cho Mạc Kính Cung. Bên cạnh đó, thấy cả việc chúa thượng Mạc Kính Cung giao “thanh kiếm thượng phương” cho bề tôi làm việc “cần vương”, “báo đền ơn nước”, “trung với nước”. Đó là đoạn hội thoại giữa hai nhân vật Nam quận công và Uy Vũ hầu cùng là tướng dưới trướng Mạc Kính Cung, khi

vua Mạc còn đóng bản doanh ở Kim Thành (thuộc phủ Kinh Môn đạo Hải Dương, gần với Dương Kinh) mà chưa lên Cao Bình. Sự kiện diễn ra vào năm Canh Tý (1600), còn thấy ghi rất gọn trong *Đại Việt thông sử*, rằng: “Tháng 11 [năm Hoàng Định 1, tức 1600],... Kính Cung vẫn còn đóng giữ Kim Thành, sai Nam quận công chiếm giữ Nam Xang, giết Uy Vũ hầu” [Lê Quý Đôn 2012b: 259]. *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng ghi: “Tháng 12....Mạc Kính Cung chạy đến huyện Kim Thành, sai Quận Nam giữ huyện Nam Xang,... Quận Nam giết Uy Vũ hầu để cướp lương thực” [Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2009c: 259]. Còn *Hoan Châu ký* thì ghi được cả hội thoại giữa Nam quận công với Uy Vũ hầu, trước khi Nam quận công sử dụng thượng phương bảo kiếm của vua Mạc ra tay với Uy Vũ hầu vì vị tướng này không chịu trợ giúp lương thực cho quân cần vương. Đoạn đó như sau (trích những chỗ nói về chúa thượng và việc nước - là việc khôi phục cơ đồ nhà Mạc):

“**Nam quận công** nói: “Nay vận nước long đong, kho tàng trống rỗng... (...).

“**Uy Vũ hầu** nói: “Bỏ tiền của riêng để chi phí vào việc quân là trung với nước, cái đó lẽ nào tôi lại không hiểu. Có điều việc biên cương chúa thượng chỉ phó thác cho mỗi một mình ông, tất nhiên ông phải có cách chuyển vận tài tình để báo đền ơn nước... (...).

“**Nam quận công** nghe nói, nộ khí bừng bừng, liền hét lớn: “Chúa thượng coi việc biên cương là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, nên đã trao cho ta thanh kiếm thượng phương để tiện hành sự... (...). Nói xong liền dùng kiếm đâm chết Uy Vũ hầu ngay tại chỗ ngồi, cướp lấy tất cả tiền bạc, thóc gạo, phân phát đều cho quân nhân” [Nguyễn Cảnh thị 2011: 196-197].

Sự kiện trên sớm hơn thời điểm đúc chuông chùa Viên Minh ở Cao Bình khoảng 10 năm. Lúc đó, Mạc Kính Cung còn đang cố giữ Dương Kinh và vùng phụ cận vốn là đất căn bản của nhà Mạc. Chỉ sau một thời gian ngắn, do quân Lê-Trịnh mạnh lên nhanh chóng, Mạc Kính Cung nhớ lời trăng trối vào năm 1594 của Đà quốc công Mạc Ngọc Liên về việc nên tránh đi “nuôi uy lực, chịu khuất đợi thời” [Lê Quý Đôn 2012b: 244-245; Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2009c: 230], mà đành phải thiên di lên vùng Thái Nguyên và Cao Bằng ngày nay.

Để chỉ đức thánh chúa Mạc, trong bài minh còn có chữ “đế” (hoàng đế) tại câu “Trung cư vương phủ, bắc khống đế thành 中居王府, 北控帝城” (ngôi chùa nằm ở giữa vương phủ, phía bắc thì giáp ngay với kinh thành của hoàng đế). Có nghĩa là, theo chính miêu tả của bài minh, trong kinh đô Cao Bình, có “đế thành” của vua Mạc và có các “vương phủ” của các ông vương, mà chùa Viên Minh thì nằm bên trong một “vương phủ” nào đó và giáp với “đế thành” ở phía bắc. Nếu từ vị trí của chùa Viên Minh được miêu tả như vậy, thì “đế thành” đó chính là ở khu vực chùa Đống Lân, tức là gần khu phố Cao Bình và chợ Cao Bình ngày nay



Ảnh 6: Vị trí chùa Viên Minh trên bản đồ thời Nguyễn trong *Đông Khánh địa dư chí*<sup>(20)</sup> (Ý nghĩa các ký hiệu gia bút: 1. Chùa Viên Minh, 2. Thành Na Lữ, 3. Chùa Đông Lân, 4. Thành tỉnh Cao Bằng, 5. Đền Nùng Trí Cao).

(xem Ảnh 6, chùa Đông Lân mang số 3). Còn “vương phủ” thì hiện chưa rõ là của ông vương nào. Ở khoảng thời điểm xung quanh năm 1611, dưới triều đại của Mạc Kính Cung, theo ghi chép của phía Lê-Trịnh thì ở Cao Bằng có những vị vương như Khánh vương (sau này là vua Mạc Kính Khoan), Nghiêm vương [Nguyễn Cảnh thị 2011: 213], Vũ Ninh vương [Lê Quý Đôn 2012b: 267], Phúc vương,...

Đáng chú ý ở đây là nội dung nói về vị hiền khanh họ Lê (*Lê hiền khanh*) của thánh chúa Mạc. Nhóm Cung Văn Lược đọc lời minh chuông tại chỗ thì nhận được mặt chữ và phiên âm là: **Tá Mạc thánh chúa, Phù Tô hiền khanh** (Giúp thánh chúa Mạc, Tô hiền phù vận). Còn bản của Đinh Khắc Thuân thì là: **Tá Mạc thánh chúa, Phù Lê hiền khanh** (Giúp thánh chúa Mạc, Phù Lê tôi hiền). Cả hai cách đọc hiểu này đều không rõ nghĩa, nhất là ở chữ “Lê”. Còn theo cách hiểu của chúng tôi, qua kết quả đối chiếu văn bản đã làm ở trên, thì ở đây bài minh nói đến một vị hiền khanh mang họ Lê của thánh chúa Mạc đã góp công góp của trùng tu chùa Viên Minh và đúc chuông lớn. Hiền khanh họ Lê này chính là một đại đàn việt của chùa Viên Minh, nên cần ghi lại danh tính cùng công đức. Do phần phương danh nằm ở cuối văn bản quá mờ, nên hiện chưa biết đích xác họ tên đầy đủ của vị này. Nếu từ những chữ còn đọc được mà suy đoán, thì phải chăng vị hiền khanh họ Lê này chính là Đức Thái (tức Lê Đức Thái), có vợ là bà Phạm Thị Ngọc Yến?

Ngoài ra, chúng ta có thể thấy một cách đọc nghĩa nữa đối với câu “Tá Mạc thánh chúa, hữu Lê hiền khanh”, là: có thể ở đây người viết bài minh đang đặt sự

đối chiếu giữa “thánh chúa Mạc” ở Cao Bình với “hiền khanh Lê” ở Thăng Long. Phải chăng, soạn giả đã nghĩ rằng hoàng đế Càn Thống của mình mới là thánh chúa của nước Nam Việt, còn họ Lê ở Thăng Long chỉ là một hiền khanh của ngài mà thôi. Cũng có thể hiểu như vậy được chăng? Mà cũng có thể chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên về họ mà thôi, có nghĩa là, hiền khanh họ Lê sống ở Cao Bình hoàn toàn khác với họ Lê ở Thăng Long.

### Lời tạm kết

Việc trực tiếp phát hiện ra niên đại Càn Thống nằm đích thực trên chuông lớn chùa Viên Minh nguyên vật, ở chính địa điểm chuông được chế tác vào năm 1611 [Chu Xuân Giao 2015b], đã làm phần khích chúng tôi đi sâu tìm hiểu về nội dung bài minh. Bằng kết quả khảo chứng văn bản học, và vận dụng các nguồn tư liệu liên quan để đối chiếu, ở bài viết này, chúng tôi đã cung cấp một cách hiểu mới về nội dung bài minh chuông. Qua đó, đã đưa ra các căn cứ gốc gác cho việc mừng tượng về kinh đô và vương quốc ở thời kỳ đầu tiên khi vua Mạc rời bỏ các đồng bằng và miền ven biển mà lên vùng núi cao. Ở thời kỳ đầu tiên đó, vương quốc của hoàng đế Càn Thống dù có thể gọi cho gọn thành “vương quốc Cao Bằng” nhưng không chỉ bó hẹp vào một phủ Cao Bằng (gồm 4 châu) như các vị vua kế tiếp sau này, mà vẫn trải rộng cả một vùng Thái Nguyên - Lạng Sơn - Tuyên Quang - Cao Bằng - Bắc Cạn - Bắc Giang. Tiềm lực về mọi mặt (danh vị, lãnh thổ, quân đội, triều đình, ngoại giao, thần dân...) của Càn Thống những năm tháng đó vẫn đủ để ông giữ vững thế chân vạc (Lê-Trịnh, Mạc, Nguyễn), và mang tới những cảm hứng có thể nói là lạc quan cho thần dân sống trong vương quốc của ông, để họ sùng kính ông là một vị *thánh chúa*, một vị *đế*, và để họ có quyền ước vọng về một vương quốc Nam Việt như đã từng có. Lần đầu tiên, chúng tôi đã định được cách hiểu về “vương quốc Nam Việt”, “vương quốc Cao Bằng” và “kinh đô Cao Bình” có tính lớp lang và tính quá trình. Với bản thân chúng tôi, có thể xem đó như những chìa khóa để tiếp tục tìm hiểu về vương triều Mạc thời kỳ Cao Bằng theo hướng kết hợp tư liệu văn bản (đặc biệt là tư liệu gốc) với điền dã, mà một số thành quả bước đầu đã đạt được là nhờ vào hướng nghiên cứu này [Chu Xuân Giao 2010, 2013a-b-c-d, 2015a, 2015b].

Hà Nội, tháng 10 và 11 năm 2015

C X G

### CHÚ THÍCH

- (13) Bản dịch của Đinh Khắc Thuân là: “Trời mở Nam Việt, Đất tạo Đông Phao// Nơi đất đế vương, Đạp chốn Nghi Dương” (Đinh Khắc Thuân 2010: 354).
- (14) Chúng tôi sử dụng (cắt một trích đoạn) ảnh chụp thác bản của bia này trong bộ sách *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm* (Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Viện Viễn Đông Bác cổ - Viện Cao học thực hành 2008: 464).

- (15) Về ý chí và quyết tâm chiến lược của nhà Mạc, xin xem Phan Đăng Nhật 2011.
- (16) Về lời dịch tiếng Việt này, chúng tôi dẫn từ bản dịch của Nguyễn Khắc Xuyên, có mạo muội chỉnh sửa ở vài chỗ. Nguyên bản dịch của Nguyễn Khắc Xuyên là: “một thứ tiếng khác hẳn tiếng Tàu. Tiếng mới này còn thông dụng ở Đàng Ngoài, ở Cao Bằng, ở Đàng Trong và người ta còn nghe và hiểu ở ba xứ lân bang khác” (Alexandre de Rhodes 1994b: 55).
- (17) Các nhà nghiên cứu ở Cao Bằng cũng thường viết về Cao Bằng với ý thức có một “Cao Bình” (kinh đô của vua Mạc) nằm bên trong vùng đất Cao Bằng. Chẳng hạn xem bài viết năm 2015 của Hoàng Triều Ân. Ông có viết như sau: “Đến năm 1592, nhà Hậu Lê trung hưng chiếm lại Đông Đô. Hậu duệ nhà Mạc lên đóng giữ các tỉnh miền núi phía bắc, đóng đô tại cố đô các vua chúa cũ ở Cao Bình (trấn Cao Bằng). Nhà Mạc củng cố vương triều, xây dựng một nhà nước có pháp luật, kỷ cương, mở mang dân trí, giáo dục được chăm sóc, bách nghệ phát triển, xây dựng một xã hội văn minh, có vai trò quan trọng trong công cuộc bảo vệ đất nước, mở mang bờ cõi”.
- (18) Đây là trích dẫn từ bản *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* của nhóm Phạm Công Trứ biên soạn và khắc in (xem lời giới thiệu của Ngô Thế Long trong Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2009c: 363-366). Còn *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản in Nội Các quan bản năm 1697) thì đã lược bỏ. Có nhiều đoạn bị lược bỏ tương tự như vậy trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.
- (19) Cũng vẫn với nội dung này, nhưng ở *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* của nhóm Phạm Công Trứ lại như sau: “Nay các xứ Thái Nguyên, Cao Bằng, Quảng Nam, Thuận Hóa vốn là bờ cõi của tiên vương, thế mà bao năm tích tộ để mặc cho họ đông càn...” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2009c: 378). Có nghĩa là, “Thái Nguyên, Lạng Sơn” đã được điều chỉnh thành “Thái Nguyên, Cao Bằng”. Đến bản sửa thì “Cao Bằng” mới xuất hiện. Còn vốn ban đầu chỉ là “Thái Nguyên, Lạng Sơn” mà chưa xuất hiện “Cao Bằng”.
- (20) Trích đoạn bản đồ này được cắt ra từ bản đồ “Cao Bằng tỉnh đồ” trong phần về tỉnh Cao Bằng của *Đông Khánh địa dư chí* (Ngô Đức Thọ - Nguyễn Văn Nguyên - Philippe Papin 2003b: 124). Các số 1-5 là gia bút của chúng tôi.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

1. Alexandre de Rhodes, 1651a, *Dictionarium annamiticum seu tunquinense lusitanum et latinum*, Romae: Typ. & sumptibus Soc. Congr. de Prop. Fide 1651, bản chụp kỹ thuật số trên mạng <http://purl.pt/961>.
2. Alexandre de Rhodes, 1651b, *Histoire du royaume de Tunquin*, J.-B. Devenet (Lyon), bản chụp kỹ thuật số của Thư viện Quốc gia Cộng hòa Pháp.
3. Alexandre de Rhodes, 1653, *Divers voyages et missions*, Paris: S. Cramoisy.
4. Alexandre de Rhodes (Hồng Nhuệ dịch), 1994a (1651), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài* (Histoire du royaume de Tunquin), TP Hồ Chí Minh, Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP Hồ Chí Minh.
5. Alexandre de Rhodes (Hồng Nhuệ dịch), 1994b (1653), *Hành trình và truyền giáo* (Divers voyages et missions), TP Hồ Chí Minh, Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP Hồ Chí Minh.
6. Ban Liên lạc họ Mạc Cao Bằng (Nguyễn Xuân Toàn chủ biên), *Vương triều Mạc ở Cao Bằng một thời hưng thịnh*, Nxb Dân trí, Hà Nội, 2012.
7. Cao Xuân Dục (Nguyễn Văn Nguyên dịch chú), (1900), *Viêm Giao trung cổ ký*, Nxb Thời đại - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2010.

8. Chu Xuân Giao, 2010a, *Thăng Long thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 qua tư liệu người nước ngoài*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
9. Chu Xuân Giao, 2010b, “Đền Cờn và nữ thần Cửa Chúa (Nghệ An) ở thế kỷ XVII trong ghi chép thực địa của giáo sĩ Đắc Lộ”, trong *Thông báo Văn hóa 2009*, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2010, tr. 258-293.
10. Chu Xuân Giao, “Toán tính và số phận của các vị vua sau năm 1677: Mấy ghi chú bước đầu về niên đại và về thời điểm kết thúc của triều Mạc ở Cao Bằng, qua tham khảo kết quả nghiên cứu của các nhà sử học Trung Quốc”, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Vương triều Mạc trong lịch sử Việt Nam*, Trung tâm Bảo tồn Khu di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội, Văn phòng Ban chỉ đạo Quốc gia 1.000 năm Thăng Long, Hội Sử học Hà Nội, Hà Nội, 2010, tr. 107-124.
11. Chu Xuân Giao, 2013a, “Ba vua Mạc cuối cùng qua sử liệu Trung Quốc (1638-1683)”, trong *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Phúc xuất bản, tr. 235-395.
12. Chu Xuân Giao, 2013b, “Dấu tích và hậu duệ nhà Mạc ở Vĩnh Phúc qua khảo sát điền dã (trọng tâm là hai thôn Chùa và Diệm Xuân)”, trong *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, sđd, tr. 398-496.
13. Chu Xuân Giao, 2013c, “Đi tìm dấu ấn cha con Mạc Kính Diệu ở Quảng Châu: Phần I - Trước khi trực tiếp tới chùa Đại Phật”, trong sách *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, sđd, tr. 167-212.
14. Chu Xuân Giao, 2013d, “Đi tìm dấu ấn cha con Mạc Kính Diệu ở Quảng Châu: Phần II - Kết quả khảo sát nhanh tại chùa Đại Phật”, trong *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, sđd, tr. 213-234.
15. Chu Xuân Giao, 2015a, “Toán tính và số phận của các vị vua sau năm 1677: Mấy ghi chú bước đầu về niên đại và về thời điểm kết thúc của triều Mạc ở Cao Bằng, qua tham khảo kết quả nghiên cứu của các nhà sử học Trung Quốc”, trong *Vương triều Mạc với sự nghiệp canh tân đất nước*, Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội, Hội Sử học Hà Nội, Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long-Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 193-215.
16. Chu Xuân Giao, 2015b, “Về niên hiệu Càn Thống của vua Mạc hiện còn trên chuông chùa Viên Minh ở Cao Bằng”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 5 (122). 2015, tr. 17-33.
17. Cung Văn Lược-Chu Quang Trứ, “Văn chuông chùa Đà Quận - Viên Minh tự - một tư liệu quý về thời Mạc ở Cao Bằng”, tạp chí *Hán Nôm* số 1 năm 1994.
18. Đặng Hồng Sơn-Phạm Văn Chiến-Nguyễn Xuân Toàn, “Di sản văn hóa nhà Mạc thời kỳ Cao Bằng qua các đình, chùa, miếu”, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nhà Mạc trong thời kỳ Cao Bằng*, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng, 2011, tr. 155-169.
19. Đinh Khắc Thuân, *Lịch sử triều Mạc qua thư tịch và văn bản*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011.
20. Đinh Khắc Thuân (Sưu tầm, khảo cứu, dịch chú), *Văn bia thời Mạc*, Nxb Hải Phòng, Hải Phòng, 2010.
21. Đinh Khắc Thuân, 2011, “Dấu tích văn hóa thời Mạc qua tài liệu *Cao Bằng thực lục*”, trong *Nhà Mạc trong thời kỳ Cao Bằng*, sđd, tr. 306-317.
22. Đỗ Quang Chính, (1972), *Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659*, Nxb Tôn giáo (bản in lại nguyên văn ấn bản năm 1972 của Tủ sách Ra khơi, có sửa chữa của tác giả), Hà Nội, 2008.

23. Hoàng Triều Ân, “Cao Bằng qua văn thơ xưa” (20/4/2010), website *Cổng thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng* ([www.caobang.gov.vn](http://www.caobang.gov.vn)).
24. Hoàng Triều Ân, 2015, “Chuyện về hai danh tướng cuối thế kỷ XVII trên đất Cao Bằng”, (22/2/2015), website *Báo Cao Bằng* ([www.baocaobang.vn](http://www.baocaobang.vn)).
25. Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tập III (Từ Lý Thánh Tông đến Trần Thánh Tông), Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, 2005.
26. Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long dịch), 2012a (1749), *Đại Việt thông sử*, Quyển 1, Nxb Trẻ - Nxb Hồng Bàng, TP Hồ Chí Minh.
27. Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long dịch), 2012b (1749), *Đại Việt thông sử*, sđd, Quyển 2.
28. Ngô Đức Thọ-Nguyễn Văn Nguyên-Philippe Papin, 2003a, *Đồng Khánh địa dư chí*, tập 1, Nxb Thế giới, Hà Nội.
29. Ngô Đức Thọ-Nguyễn Văn Nguyên-Philippe Papin, 2003b, *Đồng Khánh địa dư chí*, sđd, tập 3.
30. Nguyễn Cảnh thị (Nguyễn Thị Thảo dịch, Trần Nghĩa khảo đính và giới thiệu), *Thiên Nam liệt truyện Hoan Châu ký*, Nxb Thế giới, 2011.
31. Nguyễn Hữu Cung 阮祐恭 (Bế Hữu Cung 閉祐恭), 1810, *Cao Bằng thực lục* 高平實錄, bản chép tay hiện lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1129 (bản chụp phục vụ bạn đọc với ký hiệu VHc.1438).
32. Nguyễn Phúc Giác Hải, 1996, “Nguyễn Bình Khiêm và những tấm bia thời Mạc với hai chữ Việt Nam”, trong *Nhà Mạc và dòng họ Mạc trong lịch sử*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Sử học, Hội đồng Lịch sử thành phố Hải Phòng, Sở Văn hóa-Thông tin Hải Phòng xuất bản, tr. 384-400.
33. Peter C. Phan, 1998, *Mission and Catechesis: Alexandre de Rhodes and inculturation in seventeenth-century Vietnam*, Maryknoll, New York: Orbis Books.
34. Phạm Lê Huy-Trần Quang Đức, “Khảo cứu về *Tư Lang châu Sùng Khánh tự chung minh*”, tạp chí *Hán Nôm* số 4 (119) năm 2013, tr. 23-39.
35. Phan Đăng Nhật, *Nhà Mạc và họ Mạc - Ý chí và mục tiêu chiến lược*, Nxb Dân trí, 2011.
36. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tỉnh Cao Bằng* (Văn hóa tùng thư số 32 - dịch giả Đông Minh Đặng Chu Kinh), Nha Văn hóa - Bộ Văn hóa Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1967.
37. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Viện Sử học phiên dịch và chú giải (Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính). Tái bản lần thứ hai, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006.
38. Sở Khoa học và Công nghệ Cao Bằng, 2011, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nhà Mạc trong thời kỳ Cao Bằng* (Chủ nhiệm đề tài Nguyễn Minh Đức), tập bản thảo chế bản trên giấy hai mặt khổ B5 gồm 427 trang (bìa màu xanh có in chìm hình trống đồng Đông Sơn).
39. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Phúc - Trung tâm Bảo trợ Văn hóa và Kỹ thuật Truyền thống - Ủy ban Nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Phúc xuất bản, 2013.
40. Trung tâm Bảo tồn Khu di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội, Văn phòng Ban Chỉ đạo Quốc gia 1.000 năm Thăng Long, Hội Sử học Hà Nội, 2010, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Vương triều Mạc trong lịch sử Việt Nam*, tập bản thảo gồm 434 trang khổ A4.
41. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2009a, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội Các quan bản), Tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

42. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2009b, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội Các quan bản), Tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
43. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2009c, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội Các quan bản), Tập 3, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
44. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Các thể văn chữ Hán Việt Nam* (Trần Thị Kim Anh và Hoàng Hồng Cẩm biên soạn), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010.
45. Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Viện Viễn Đông Bác cổ - Viện Cao học thực hành, *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*, Tập 11, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2008.

### TÓM TẮT

Bài minh khắc trên quả chuông lớn hiện còn tại chùa Viên Minh (tỉnh Cao Bằng) là một tư liệu quý giá để tìm hiểu về thời kỳ nhà Mạc tại Cao Bằng (1592-1677). Đáng tiếc là bài minh ấy đã bị mờ mòn, mất chữ nhiều chỗ nên không thể đọc được đầy đủ, dẫn đến tình trạng sao chép, diễn dịch khác nhau giữa các nhà nghiên cứu từ xưa đến nay.

Bằng kết quả khảo chứng văn bản học, và vận dụng các nguồn tư liệu liên quan để đối chiếu, trong bài viết này, tác giả đã cung cấp một cách hiểu mới về nội dung bài minh chuông chùa Viên Minh. Qua đó, tác giả đã đưa ra các căn cứ gốc gác cho việc mượn tượng về kinh đô và vương quốc của nhà Mạc trong thời kỳ đầu ở Cao Bằng. Lần đầu tiên, tác giả đưa ra cách hiểu về “Vương quốc Nam Việt”, “Vương quốc Cao Bằng”, và “Kinh đô Cao Bình” một cách lớp lang theo tiến trình lịch sử. Đó có thể là hướng nghiên cứu đúng đắn, góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề văn hóa-lịch sử của nhà Mạc vào giai đoạn mạt kỳ. Bài viết gồm các nội dung chính: 1) Hình thức và nguyên trạng của bài minh qua đối chiếu tư liệu; 2) Nội dung bài minh qua tổng hợp tư liệu; 3) Ngôi cổ tự Viên Minh; 4) Vương quốc Nam Việt trong ý chí, vương quốc Cao Bằng trong hiện thực; 5) Thánh chúa Mạc và hiền khanh họ Lê.

### ABSTRACT

#### RE-READING THE WRITING IN THE 19TH YEAR OF CẢN THỐNG REIGN (1611) ON THE EXISTING BELL OF VIÊN MINH PAGODA IN CAO BẰNG PROVINCE

The writing engraved on the big bell in Viên Minh Pagoda (Cao Bằng Province) is a valuable material to learn about the era of the Mạc Dynasty in Cao Bằng (1592-1677). Unfortunately, it is blurred and eroded, which makes it hard to read, leading to the dissimilarity in reproduction and interpretation among researchers.

From results of textual evidence, and taking advantage of relevant sources for comparison, the author provides a new understanding of the content of the writing on Viên Minh Pagoda's bell where by grounds for visualizing capital and the kingdom of the Mạc Dynasty on the early days in Cao Bằng are formed. This is the first time the author offers a way of understanding “Nam Việt Kingdom”, “Cao Bằng Kingdom” and “Cao Bình Capital” in order according to historical process. It can be the right research method to contribute to clarify cultural and historical issues about the Mạc Dynasty in its final stages. The article consists of following contents: 1) The form and the status quo of the writing comparing with documentation; 2) The content of the writing based on documents collected; 3) Ancient Viên Minh Pagoda; 4) Nam Việt Kingdom at will, the Cao Bằng kingdom in reality; 5) Prominent King of the Mạc Dynasty and the Talented Official bearing the family name Lê.